TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B Đ** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HSST
Ngày: 21/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chức.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Lê Đình Cóong
Ông: Mai Văn rạng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng, thư ký Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1999; tên gọi khác: Không ; Nơi cư trú: Thôn 10, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Qu (đã chết) và bà Trần Thị M, sinh năm: 1958; Vợ tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 2003; Bị cáo có 01 (một) người con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án: Không

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 31/12/2020, bị công an xã Ph Th, huyện B Đ xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa đóng phạt số tiền trên.

Bị cáo được tại ngoại để điều tra *(có mặt)*.

Người bị hại:

- Ông: Bùi Vinh Qu1, sinh năm: 2003; Địa chỉ: thôn 10, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước *(vắng mặt)*.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Thôn B T, xã Ph M, huyện B Gi M, tỉnh Bình Phước *(vắng mặt)*.

- Bà Lê Thị D, sinh năm: 2003; Địa chỉ: Thôn B T, xã Ph M, huyện B Gi M, tỉnh Bình Phước *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 04/01/2022, Nguyễn Hữu Đ, Phạm Thị Duyên và Bùi Vinh Qu1 đến nhà của Trần Văn T thuộc Thôn 10 xã Th H, huyện B Đ chơi. T thấy Bùi Vinh Qu1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng xanh, biển số 93G1-247.02, nảy sinh ý định mượn xe mô tô của Qu1 đi cầm cố lấy tiều tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình, T nói dối mượn xe mô tô của Qu1 để đi công việc một lúc rồi mang về trả, Qu1 đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô chạy lên khu vực Thôn 5 xã Th H cầm cố cho Mai Nguyệt A được 8.000.000 đồng (tám triệu), do không có giấy tờ xe nên Nguyệt Anh đưa trước cho T 5.000.000 đồng (năm triệu), hẹn khi nào mang giấy tờ xe đến sẽ đưa số tiền còn lại. Sau khi cầm xe, T về gặp Qu1 nói xe mô tô bị Công an huyện B Đ bắt, đồng thời nói Qu1 đưa giấy tờ xe để đi nộp phạt lấy xe về, Qu1 đồng ý. Khoảng 8 giờ ngày 05/01/2022, T mang giấy tờ xe mô tô của Qu1 đến đưa cho Nguyệt Anh rồi lấy 3.000.000 đồng (ba triệu) còn lại mang đi trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 110/2022/BKL-ĐGTS ngày 22/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện B Đ xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng xanh, biển số 93G1-247.02 có giá trị là 18.275.000đ (mười tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 42/CTr-VKS ngày 07/6/2022 của VKSND huyện B Đ truy tố bị cáo Trần Văn T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện B Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, I, s khoản 1, Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về vật chứng và các vấn đề khác: Như nội dung bản cáo trạng

Bị cáo không tham gia tranh luận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tại liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện B Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. *Về nội dung:* Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án, biên bản phạm tội quả tang cũng như vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên ngày 04/01/2022, Trần Văn T đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha, loại sirius màu trắng xanh, biển số: 93G1-247.02 của anh Bùi Vinh Qu1 đem đi cầm cố, lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 110/2022/BKL-ĐGTS ngày 22/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện B Đ xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng xanh, biển số 93G1-247.02 có giá trị là 18.275.000đ (mười tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy hành vi của bị cáo Trần Văn T đã cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi , thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo là rất cao. Vì vậy, cần xử phạt mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. *Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. *Tình tiết giảm nhẹ:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại cho người bị hại; Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2021); Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6]. Bị cáo có một tiền sự cụ thể:

Ngày 31/12/2020, bị công an xã Ph Th, huyện B Đ xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa đóng phạt số tiền trên.

[7]*Trách nhiệm dân sự:*

+ Bị hại đã nhận số tiền bồi thường khắc phục hậu quả là: 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]*Về vật chứng:*

Đối với mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng xanh, biển số 93G1-247.02, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên HĐXX không xem xét.

Đối với đối tượng Mai Nguyệt A, sinh năm: 1978; Ngụ tại: Thôn 5, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng Nguyệt Anh không có mặt tại địa phương vì vậy đã tách ra để tiếp tục xác minh khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[9]*Về án phí:* Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với bị cáo, và các vấn đề khác là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, I, s khoản 1Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (bảy) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Công an huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Thị Chức